

Biên Hòa, ngày 05 tháng 5 năm 2020

Số: 630/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1034/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Linh T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 1267, đường Lý Thái Tổ, ấp v, xã L, huyện T, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Ngọc Thanh T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà G94, tổ 7, ấp Long Đức 1, xã P, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Linh T, sinh năm 1992 và anh Bùi Ngọc Thanh T1, sinh năm 1988.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Linh T, sinh năm 1992 và ông Bùi Ngọc Thanh T1, sinh năm 1988 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Trần Thị Linh T và ông Bùi Ngọc Thanh T1, giao 01 con chung là cháu Bùi Trần Đăng K, sinh ngày 22/9/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Ngọc Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản ông T1 thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Linh T tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008861 ngày 18/03/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hải Thị Liễu